ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14 /2020/QĐ-UBND	*Sóc Trăng, ngày 08 tháng 5 năm 2020*

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
08-05-2020 15:05:26 +07:00

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức hỗ trợ từng loại hạng mục, công trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức hỗ trợ từng loại hạng mục, công trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (gọi tắt là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy định này áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập, đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư phù hợp với danh mục dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Nguyên tắc, điều kiện, định mức

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Trong cùng một thời gian, nếu dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ đầu tư có các mức hỗ trợ đầu tư khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ có lợi nhất.

b) Sau khi có văn bản cam kết hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Doanh nghiệp tự bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư theo định mức hỗ trợ từng loại hạng mục, công trình theo quy định tại Quyết định này.

2. Điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

3. Định mức hỗ trợ

a) Thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Trường hợp doanh nghiệp đầu tư hạng mục, công trình có giá trị thấp hơn so với mức hỗ trợ theo Quyết định này thì hỗ trợ theo thực tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, KT, TH, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiểu

PHỤ LỤC

ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI HẠNG MỤC, CÔNG TRÌNH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14 /2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ	Ghi chú
1	**Hệ thống điện**			
a	Hệ thống điện trong hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây,...)	1 kVA	1.000	
b	Hệ thống điện ngoài hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây,...)	1 kVA	1.100	
2	**Hệ thống đường giao thông**			
a	Đường giao thông trong hàng rào dự án			
	Kết cấu áo đường láng nhựa 03 lớp tiêu chuẩn nhựa 4,5 kg; đá dăm nước 10 cm; cấp phối đá dăm loại II dày 25 cm; lớp cát cồn dày 50 cm	1 m^2	500	
	Mặt đường bê tông xi măng mác 300 dày tối thiểu 18 cm; trên nền cát	1 m^2	350	
b	Đường giao thông ngoài hàng rào dự án			
	Kết cấu áo đường láng nhựa 03 lớp tiêu chuẩn nhựa 4,5 kg; đá dăm nước 10 cm; cấp phối đá dăm loại II dày 25 cm; lớp cát cồn dày 50 cm	1 m^2	500	
3	**Nhà**			
a	Nhà xưởng, nhà kho cao từ 5 m trở lên (nhà kiên cố, cấp 4 trở lên)	1 m^2	1.000	
b	Nhà xưởng, nhà kho, cao dưới 5 m (nhà kiên cố, cấp 4 trở lên)	1 m^2	700	
4	**Nước**			
a	Bể chứa (xây dựng mới)	1 m^3	500	
b	Đường ống (có đường kính tối thiểu 27 mm)	1 m	15	
c	Máy bơm	1 HP	500	Hỗ trợ không quá 03 triệu đồng/máy
5	**Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt**			
a	Bể lắng, bể sục khí bằng vật liệu bê tông, xây gạch (xây dựng mới)	1 m^3	1.000	
b	Hồ chứa nước có lát tấm bê tông xung quanh (xây dựng mới)	1 m^3	50	
c	Đường ống (có đường kính tối thiểu 50 mm, bằng vật liệu nhựa, kim loại, bê tông)	1 m	30	
d	Máy bơm	1 HP	500	Hỗ trợ không quá 03 triệu đồng/máy
6	**Thiết bị chính phục vụ sản xuất**	Bộ/cái	50% giá thiết bị	
7	**Công trình nhà kính, nhà lưới/nhà màng**	1 m^2	100	